

SỐ 2123

# CHU KINH TẬP YẾU

Soạn dịch: Sa-môn Thích Đạo Thế ở chùa Tây Minh, đời Đường

## QUYỂN 1

### PHẦN THỨ 1: TAM BẢO

#### THỨ NHẤT: KÍNH PHẬT

- Kính trình bày duyên ý
- Duyên Phật Di Lặc
- Duyên Phật mười phương
- Duyên Phật Thích Ca
- Duyên Phật thiền định.

#### **Thứ 1: Tất cả cung kính trình bày về ý nghĩa nhân duyên**

Các bậc Đại Thánh đều có tướng bình đẳng, đệ tử có công đức tán dương, nên chư Phật mười phương cùng thoát khỏi những cấu bẩn của bùn lầy. Ba thân chánh giác đều an tọa trên đài sen, tùy theo môn tướng mà được lợi ích. Nghĩa là bắt đầu xuất gia sau cùng thành tựu Chánh giác, ở trong khoảng thời gian này, hàng phục quân ma dưới gốc cây Bồ-đề, ở vườn Lộc uyển thuyết pháp, tướng tốt viên mãn, hào quang rực rỡ, sắc thân thanh tịnh, toàn thân chiếu sáng, diện mạo đoan nghiêm giống như trăng tròn, răng đều trắng như tuyết, tóc lông lánh như tia sáng, đôi mắt xanh biếc, lông mi cong vượt đen láy, tám loại âm thanh thanh cao, muôn tướng khoan thai, năm mắt thấu suốt, sáu thông bay xa, lời nói viết lách đều lưu loát thích hợp, đầy đủ ba đặc điểm để

thành tựu thân, đầy đủ năm phần mà thành thể. Dùng Quyền Thật để độ muôn loài, tùy theo chơn tánh để giáo hóa mọi người, hoặc quạt khắp luồng gió Đại từ, tuôn mưa pháp khắp nơi thấm nhuần toàn thân khiến nảy mầm Vô thượng, cây tâm tốt tươi, cành lá sum sê, không tưởng đến mà đến, không tưởng thấy mà thấy, vì chúng sanh nên tùy duyên ứng hiện. Mười phương muôn ức đồng mong nguyện, ba ngàn đại thiên cùng được thân cận phụng sự, tăng trưởng nhiều ruộng phước, cúng dường vô lượng, xả bỏ nguồn gốc điên đảo, nhổ bỏ căn nguyên tham sân, tu tập nhân niệm Phật thì đạt được quả vị Phật.

Như luận Thật tánh cho: Tam bảo có sáu nghĩa cần cung kính. Một có nghĩa là hiếm có như vật quý giá ở thế gian, người nghèo khổ không thể mua được. Tam bảo như thế, nếu chúng sanh phước ít thì trăm ngàn vạn đời không thể gặp được, nên gọi là bảo. Hai có nghĩa là xa lìa cấu uế, như những vật quý báu ở đời không bị tạp nhiễm. Tam bảo cũng vậy, lìa xa các lậu (phiền não), nên gọi là bảo. Ba là nghĩa năng lực, như các loại trân báu trừ bỏ cặn bã thì có năng lực lớn. Tam bảo cũng vậy, năng lực của sáu thông không thể nghĩ bàn, nên gọi là Bảo. Bốn có nghĩa là trang nghiêm, như những ngọc quý báu có thể trang điểm lên toàn thân làm tăng thêm vẻ đẹp. Tam bảo cũng vậy, có thể trang nghiêm cho người tu tập được thân thanh tịnh, nên gọi là Bảo. Năm là nghĩa tối thắng, như ngọc báu ở đời là vật quý báu nhất trong các vật. Tam bảo cũng vậy, là tối thắng nhất trong thế gian, nên gọi là bảo. Sáu là nghĩa không thay đổi, như vàng ròng ở thế gian nung đốt, tôi luyện vẫn không thể biến đổi. Tam bảo cũng vậy, không bị tám pháp ở thế gian làm thay đổi, nên gọi là Bảo. Lại có đầy đủ sáu ý nên cần cung kính: Một là Đức Phật có khả năng giáo hóa, giáo pháp là thuốc hay, Tăng già có khả năng truyền thông giáo pháp lợi ích cho ta nên phải cung kính báo ân. Hai là vào thời mạt pháp xấu ác, lưu truyền giáo pháp khó khăn, cần phải cung thỉnh oai thần (Tam bảo) gia hộ nên phải tôn kính. Ba là thế gian phát sanh lòng tin, vâng lời làm theo nên cung kính. Bốn là những lời dạy bảo cung kính của tăng ni về những nghi thức nên phải cung kính. Năm là vui thích pháp cúng dường để được tồn tại lâu dài nên cung kính. Sáu là hiển hiện tướng thù thắng nên phải tôn kính.

Trong luận Thành thật cho: Tam bảo là an vui trên hết, nên trong kinh ta đặt đầu tiên.

### ***Thứ 2: Nhớ nghĩ về duyên của chư Phật mười phương***

Như trong kinh Quán Phật Tam muội dạy: Vào đời quá khứ xa xưa

trong vô lượng đời kiếp có Đức Phật ra đời hiệu là Bảo Oai Đức Thượng Vương. Lúc ấy có vị Tỳ-kheo và chín đệ tử đi đến lễ bái tượng Phật và tháp Phật, thấy hiển bày một hình tượng trang nghiêm rất đáng chiêm ngưỡng. Đánh lễ xong quán sát kỹ, rồi họ nói kệ tán thán: Đời sau mạng chung sẽ sanh vào trong hoa sen lớn của nước Phật Bảo Oai Đức Thượng Vương ở phương Đông, ngồi kiết già tự nhiên hóa sanh, từ đây về sau thường được gặp Phật. Ở chỗ chư Phật thanh tịnh mà tu tập phạm hạnh, đặc biệt Tam muội niệm Phật, được Tam muội rồi liền được Phật thọ ký, ở khắp mười phương đều được thành Phật. Đức Phật Thiện-đức ở phương Đông là thầy Tỳ-kheo ấy. Chín vị đệ tử đó thành Phật ở chín phương. Ở phương Đông nam là vị Phật Vô Ưu Đức. Ở phương Nam là vị Phật Chiên Đàn Đức. Ở phương Tây nam là vị Phật Bảo Thi. Ở phương Tây là vị Phật Vô Lượng Minh. Ở phương Tây bắc là vị Phật Hoa-đức. Ở phương Bắc là vị Phật Tướng Đức. Ở phương Đông bắc là vị Phật Tam Thừa Hạnh. Ở phương Trên là vị Phật Quảng Chúng Đức. Ở phương Dưới là vị Phật Minh Đức. Các chư Phật mười phương như vậy, nhờ nhân kính lễ tháp, chiêm bái tượng dùng kệ tán thán chư Phật ở đời quá khứ mà nay được thành Phật khắp mười phương.

Lại trong kinh Quán Phật Tam-muội nói: Vào đời quá khứ xa xưa có Đức Phật ra đời hiệu là Không Vương. Sau khi nhập Niết bàn có bốn Tỳ-kheo cùng học tập tu hành chánh pháp Phật, nhưng bị phiền não khuất lấp nên không thể giữ gìn bảo tạng Phật pháp vững chắc, vì nhiều nghiệp bất thiện nên đọa vào đường ác. Ở trong không gian có tiếng bảo Tỳ-kheo: Đức Như lai Không vương về sau tuy nhập Niết bàn nhưng những phạm lỗi của các vị không cứu được. Hôm nay, các vị vào chùa tháp, chiêm ngưỡng tượng Phật cũng như Phật tại thế không khác. Nghe tiếng đó rồi liền vào chùa tháp chiêm ngưỡng tượng lông trắng giữa chặn mày, liền khởi niệm nói: Ánh sáng sắc thân chẳng khác gì việc này. Đức Phật là bậc Đại nhân nguyện diệt trừ tội lỗi cho con. Nói như vậy rồi như núi Thái sơn sụp đổ, năm vóc sát đất sám hối các tội lỗi. Do vào tháp Phật, chiêm ngưỡng tượng lông trắng giữa chặn mày, với nhân duyên sám hối mà về sau tám mươi ức A tăng kỳ kiếp không rơi vào đường ác, đời đời gặp chư Phật mười phương. Ở đó thọ trì sâu xa, nhớ nghĩ thiền định của chư Phật chứng đắc Tam muội, được chư Phật mười phương thọ ký, hôm nay đều thành Phật. Ở phương Đông, nước Diệu-hỷ có Đức Phật hiệu A Súc chính là vị Tỳ-kheo thứ nhất ấy. Ở phương Nam, nước Hoan-hỷ có Đức Phật hiệu Bảo Tướng tức là vị Tỳ-kheo thứ hai. Ở phương Tây có nước Cực lạc Đức Phật hiệu Vô Lượng

Thọ, chính là vị Tỳ-kheo thứ ba. Ở phương Bắc có nước Liên Hoa Trang Nghiêm có Đức Phật hiệu Vi Diệu Thanh, chính là vị Tỳ-kheo thứ tư. Vì những lý do này mà hành giả cần phải phát nguyện chiêm ngưỡng chư Phật. Lại trong kinh Ca Diếp dạy: Thuở xưa rất lâu xa A tăng kỳ kiếp ở đời quá khứ có Đức Phật ra đời hiệu là Quang Minh. Sau khi nhập Niết bàn có Bồ tát tên là Đại Tinh Tấn, trong mười sáu năm đầu chúng tử là Bà-la-môn đoan chánh không ai bằng. Có vị Tỳ-kheo khắc họa hình tượng Phật lên vải lông trắng, luôn luôn giữ gìn, thường thấy Đức Phật tâm rất vui mừng liền nói như vậy: Hình tượng Như lai tuyệt vời như vậy hưởng nữa là thân của Ngài, nguyện xin cho con ở đời vị lai cũng được thân tốt đẹp như vậy. Nói rồi suy nghĩ, nếu con ở đời không được thân này liền xin cha mẹ cho phép xuất gia. Cha mẹ bảo: “Hôm nay, cha mẹ tuổi đã già lại chỉ một mình con, nếu con xuất gia thì cha mẹ chết mất”. Vị ấy thưa cha mẹ: Nếu không cho phép xuất gia thì từ nay trở đi con không ăn uống, nằm ngồi trên giường cũng không nói năng. Phát lời thề như vậy rồi nhịn ăn từ một ngày cho đến sáu ngày. Cha mẹ, bậc thiện tri thức, tám vạn bốn ngàn các kỹ nữ đều than khóc đánh lễ bậc Đại tinh-tấn và đồng ý cho xuất gia. Khi được xuất gia chấp giữ tượng Phật vào trong núi lấy cỏ làm tòa, ngồi kiết già đặt tượng khắc họa trước mặt, nhất tâm quán sát kỹ lưỡng về bức họa này không khác Như lai. Tượng Như lai chẳng phải hiểu chẳng phải biết. Tất cả các pháp như vậy, không tướng lìa tướng, thể tánh vắng lặng. Quán như vậy rồi, trải qua một ngày một đêm chứng đắc năm thông, đầy đủ vô lượng vô ngại biện, đắc thiền định Phổ Quang, hào quang rực rỡ. Do thiên nhãn thanh tịnh thấy Đức Phật trong A tăng kỳ ở phương Đông, dùng thiên nhãn thanh tịnh nghe được chư Phật thuyết pháp đều thọ trì. Tròn bảy tháng thức ăn bằng trí tuệ, tất cả chư thiên tung hoa cúng dường, từ núi rừng cho đến thôn xóm thuyết pháp cho muôn dân, hai vạn chúng sanh phát tâm Bồ đề, vô lượng A tăng người an trú vào công đức của Thanh văn, Duyên giác, cha mẹ đều an trú vào quả vị bồ đề Vô thượng không thối chuyển. Đức Phật bảo ngài Ca Diếp: Vị Đại tinh-tấn xưa kia nay là thân Ta, nhờ quán sát tượng ấy mà nay được thành Phật. Người nào học tập quán xét như vậy trong đời vị lai chắc chắn sẽ thành tựu đạo Vô thượng.

Lại trong kinh Quán Phật Tam-muội dạy: Thuở xưa, lâu xa quá khứ có Đức Phật ra đời hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Sau khi diệt độ có vương tử tên là Kim Trạng, tà kiến kiêu mạn không tin pháp Phật. Lại có Tỳ-kheo Định Tự Tại bảo với vương tử: Ở đời có tượng Phật được trang nghiêm bằng các ngọc báu thật quý giá, ông tạm thời vào tháp chiêm

ngưỡng hình tượng Phật ấy.” Vương tử liền theo vào trong tháp thấy tượng tốt của tượng Phật lại thừa vị Tỳ-kheo: Tượng Phật mà còn trang nghiêm như thế, huống nữa là chân thân Phật. Tỳ-kheo bảo: “Hôm nay, ông thấy tượng Phật mà không đảnh lễ thì phải chấp tay niệm Nam mô Phật. Khi ấy, vương tử chấp tay niệm Nam mô Phật,” rồi trở về hoàng cung, luôn nhớ nghĩ hình tượng trong tháp. Vào một đêm chiêm bao thấy hình tượng Phật trải qua mấy giấc mộng, vui vẻ xả bỏ tà kiến, quy y Tam bảo. Nhờ một lần vào tháp, tán thán căn lành của Đức Phật mà lúc lâm chung chín trăm vạn ức na do tha chư Phật tiếp dẫn. Ở đó nên đạt được Tam muội niệm Phật sâu xa nhờ đạt được Tam muội., mà chư Phật hiện tại thọ ký cho ông. Từ đây về sau, trải qua trăm vạn A-tăng-kỳ kiếp không rơi vào đường ác, đến ngày nay đắc được thiên định Thủ Lăng Nghiêm sâu xa. Vương tử xưa, nay chính là Bồ tát Tài Thủ. Do nhân duyên này người trí nên tu học, niệm Phật như vậy. Trong Kinh Pháp Hoa nói kệ:

*Nếu người tâm tán loạn  
Vào ở trong tháp miếu  
Xưng niệm Nam mô Phật  
Đều đã thành Phật đạo.*

Lại trong kinh Thí Dụ dạy: Thuở xưa, có một vị vua tự giết cha. Có vị A-la-hán biết vị vua nước này chẳng bao lâu sẽ băng hà, tính biết được mạng sống của vua không quá bảy ngày, nếu sau khi mạng chung chắc chắn rơi vào địa ngục A-tỳ chịu khổ một kiếp. Vị A-la-hán này liền đến giáo hóa ông, khuyên bảo hãy nên nhất tâm xưng niệm Nam mô Phật trong suốt bảy ngày không ngừng, đến lúc băng hà cần thận chớ quên lời dạy bảo (niệm Phật) này. Vua liền chấp tay nhất tâm xưng niệm tụng ngày đêm không nghỉ bắt đầu ngày thứ bảy liền băng hà. Quỷ thần dẫn đến địa ngục A-tỳ, ông thường nhớ nghĩ lời niệm Phật thuở trước nên khi đến nơi cửa ngục biết rõ là địa ngục, liền niệm lớn: Nam mô Phật. Những tội nhân trong địa ngục nghe tiếng niệm Phật thì tất cả đồng niệm: Nam mô Phật. Khi ấy, địa ngục Mãnh hỏa liền tiêu diệt, hết thấy tội nhân đều thoát khỏi, sanh trong loài người. Về sau vị A-la-hán lại thuyết pháp cho họ, đắc được quả vị Tu-đà-hoàn. Nhờ xưng tụng danh hiệu Phật mà được công đức vô lượng vô biên không thể ví dụ.

### ***Thứ 3: Nhớ nghĩ về duyên Phật Thích Ca***

Lại trong kinh Quán Phật Tam Muội dạy: Khi xưa, Đức Phật ở đời, Ngài vì vua cha và đại chúng mà giảng giải kinh Quán Phật Tam Muội.

Đức Phật có ba mươi tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, toàn thân vàng ròng phóng ra vô lượng ánh sáng. Khi xuống tòa có năm trăm vị Thích tử do tội chướng nên thấy sắc thân Phật như Bà-la-môn mù tối. Thấy rồi, liền khóc tự nhổ tóc mình, vùng vẫy trên đất, máu trong mũi chảy ra. Đức Phật an ủi: Các ông chớ khóc lóc, Ta thuyết giảng cho các ông. Về đời quá khứ có Đức Phật hiệu là Tỳ Bà Thi. Sau khi Niết bàn trong thời tượng pháp có một trưởng giả tên là Nguyệt Đức, có năm người con rất thông minh, nhiều trí tuệ, thông suốt tất cả. Người cha tin kính Tam bảo, thường thuyết giảng nghĩa pháp Phật cho các con. Các con đều tà kiến không có lòng tin, sau đó bị bệnh nặng. Người cha đến trước đàn con than khóc bảo rằng: Các người con đều tà kiến, không tin theo pháp Phật. Hôm nay, con dao vô thường đến cắt thân mạng các con, thì các con nương vào đâu? Có Đức Phật Thế tôn Tỳ Bà Thi, các con nên xưng niệm danh hiệu. Những người con nghe xong cung kính lời cha dạy, bèn xưng niệm danh hiệu Ngài: Nam mô Phật, lại xưng tán giáo pháp và ca tụng chư Tăng, khen ngợi rồi mạng chung. Nhờ xưng tán chư Phật nên sanh về cõi trời Tứ thiên vương. Ở đó mạng chung, do trước kia tà kiến nên lại rơi vào địa ngục Tốt-la-sát bị hoàn sắt nóng đâm thủng phá hoại mắt họ, khi chịu nạn khổ này lại nhớ lại lời dạy của cha nên nhờ xưng niệm danh hiệu Phật mà được ra khỏi địa ngục, lại sanh trong loài người bị nghèo cùng khổ. Về sau Đức Phật Thi Khí ra đời cũng sẽ được gặp, chỉ nghe danh hiệu Phật mà không thấy hình tượng Phật. Sau Đức Phật Thi Khí là Phật Câu Lưu Tôn, Đức Phật Câu Na Hàm, Đức Phật Ca Diếp đều chỉ nghe danh hiệu mà không thấy hình tượng các ngài. Nhờ nghe danh hiệu của sáu vị Phật như vậy nên ngày cùng với Ta sanh vào dòng họ Thích. Thân của Ta đoan nghiêm như vàng Diêm Phù mà các ông lại thấy tối tăm như Bà-la-môn mất mù, tất cả đều do đời trước tà kiến nên trông thấy như vậy. Hôm nay, các ông nên xưng tụng danh hiệu chư Phật đời quá khứ và ca ngợi cha các ông, cũng tán thán danh hiệu Đức Phật Di Lặc và Ta. Xưng tán, đánh lễ đại chúng, đại đức chúng Tăng năm vóc sát đất mà phát lộ sám hối tội tà kiến. Khi các vị chấp nhận sự sám hối rồi liền thấy sắc thân Phật màu vàng như núi Tu-di, liền bạch Phật: Bạch đức Thế tôn! Hôm nay chúng con thấy ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp và vô lượng hào quang của Ngài. Thưa xong liền chứng quả vị Tu-đà-hoàn, cầu xin Phật xuất gia liền đắc quả A-la-hán, đầy đủ ba minh, sáu thông, tám giải thoát.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Sau khi Ta diệt độ nếu ai xưng danh hiệu : Nam mô chư Phật của Ta thì được phước đức vô lượng, vô biên.

Lại trong kinh Đại Bi dạy: Đức Phật bảo A Nan: Thấy có thấy, khi Như Lai đi trên đường khiến cho đất rộng lớn thêm, chỗ cao làm thành thấp, nơi cao khiến thấp lại, những nơi thấp cao đều bằng phẳng. Sau khi Đức Phật đi qua, mặt đất trở lại như cũ. Tất cả rừng cây đều nghiêng mình bạch Phật, thân cây hiện thân cúi đầu lễ bái. Sau khi Ngài đi qua thì rừng cây trở lại như trước. Tất cả gò đồi hầm hố, mùi hôi nhà vệ sinh hay nơi vắng, ngói đá vụn vặt trong núi rừng đều quét sạch, bằng phẳng sạch sẽ, hương thơm các loài hoa bay khắp nơi. Như lai bước qua mà các loài vô tình đều nghiêng mình hướng là hữu tình mà không gia tâm cung kính. Vì sao? Khi xưa, ta thực hành hạnh Bồ tát, đối với mọi người luôn nghiêng mình khiêm nhường cung kính lễ bái, nhờ thiện nghiệp mà thành tựu quả Phật. Lúc Như lai ngang qua hữu tình và vô tình đều nghiêng mình cúi đầu lễ bái. Xưa kia Ta dùng tâm thanh tịnh vi diệu biết đủ đối với của cải, chí tâm tự mình bố thí cho chúng sanh. Do phước báo ấy nên khi Như lai đi qua mặt đất bằng phẳng và rộng thêm, quét dọn sạch sẽ, lại không có ngói đá vụn vặt. Lúc Ta ở nơi vô lượng bậc Hiền Thánh, khi các Ngài đi trên đường Ta thường quét dọn, sửa đường, lau chùi phòng nhà, nhờ ta đem tâm bình đẳng không cao thấp, tẩy rửa, tu sửa làm cho sạch sẽ, ở trong tất cả thời thường mong cầu quả vị Bồ đề để lợi ích chúng sanh. Nhờ căn lành này mà Phật Như lai ở nơi đâu, hay đến đường nào thì tự nhiên sạch sẽ, mặt đất bằng phẳng như bàn tay, cho đến núi Tu di cao tám vạn bốn ngàn do tuần, ở trong biển lớn cũng sâu như vậy và núi Thiết vi cao mười sáu vạn tám ngàn do tuần cũng bằng kim cang bền chắc. Khi Đức Phật vào Niết bàn tất cả đều cúi đầu cung kính đảnh lễ. Nếu muốn lánh xa không nghiêng mình thì cũng không được.

Lại trong kinh Phổ Diệu dạy: Do tâm Như lai ở quá khứ xa lìa vướng mắc, không tổn hại chúng sanh, nên Ngài đến đâu bàn chân không bị dơ bẩn, loài côn trùng bình yên. Trong kinh Xứ Xứ lại dạy: Khi Như Lai đi, chân không mang dế là có ba lý do: Một là khiến cho hành giả ít muốn; hai là để lại dưới bàn chân hiện ra tướng bánh xe; ba là khiến cho người thấy vui vẻ. Khi Như Lai đi cách mặt đất bốn tấc, có ba lý do: Một là thấy mặt đất có côn trùng; hai là đất có cỏ cây sinh sống; ba là hiện ra thần túc, cũng muốn khiến cho mọi người tâm ý chơn chánh. Đức Phật đi trên đất cao hay thấp đều bằng phẳng là có ba lý do: Một là khi xưa Ngài đã hành bốn Vô lượng tâm, muốn làm cho mọi loài được an vui; đất ở trên nước, trong nước có côn trùng tất cả đều ở dưới bàn chân Phật hoàn toàn an ổn vừa ý. Cho nên thấp là cao mà cao

cũng là thấp. Hai là chư thiên quỷ thần làm phước, vì Phật nên đất bằng phẳng, cao hay thấp đều như nhau. Ba là Đức Phật khi còn làm Bồ tát muốn đường lưu thông nên bắt cầu để người qua lại, từ đó được phước đức nên cao thấp đều như nhau, muốn tâm người cũng được như vậy.

Lại trong luận Trí Độ dạy: Thân tướng đức Thế tôn tuyệt đẹp, da dẻ mịn màng, bụi trần không dính vào thân, như lá hoa sen không thấm nước. Nếu Bồ tát vào trong núi khô cằn, khi đi chân không dính đất, do gió thổi phá tan núi, làm bụi trần bay đi mà một hạt bụi trần cũng không dính. Nếu Bồ tát dâng thức ăn vào miệng, khi vào cổ phân thành hai, lưu lại thành cam lồ hòa hợp với các vị, mùi vị này thanh tịnh, nên gọi trong vị này mà được thượng vị.

Trong kinh Tăng Nhất A Hàm dạy: Tâm không tôn kính Phật nên sanh trong loại rồng rắn, vì từ quá khứ đến nay, do không cung kính nên quá si mê.

Lại luật Tứ-phần nói kệ:

*Cung kính bậc Trưởng lão  
Là hàng hộ trì pháp  
Hiện tại được danh tiếng  
Tương lai sanh cõi lành.*

#### **Thứ 4: Nhớ nghĩ duyên Phật A-di-đà**

Hỏi: Thế nào là Tịnh độ?

Đáp: Là thế giới trong sáng, gọi là tịnh, độ tức là chỗ ở sạch sẽ.

Luận Nhiếp dạy: Độ là chỗ ở không có năm thứ ô uế, sáng như ngọc pha lê gọi là cõi Tịnh độ.

Trong luận Pháp Hoa dạy: Ở nơi chúng sanh không có phiền não gọi là Tịnh độ. Cõi Tịnh độ không giống nhau, có bốn loại: Một là Pháp tánh độ, lấy chơn như làm thể, nên luận Khiết-nhiếp dạy: Lấy hoa sen đẹp nhất làm cõi Tịnh là theo ví dụ mà nói, Pháp giới chơn như làm cõi tịnh là nói theo thể. Hai là Thật báo độ. Theo luận Y Nhiếp dạy: Lấy hai Không làm cửa, ba tuệ làm đường ra vào, thiền định làm xe, lấy căn bản trí tuệ không phân biệt làm dụng. Đây đều là tóm tắt phước báo công đức biện tài hiện ra từ thể. Ba sự Tịnh độ, tức là đủ bảy báu thượng diệu, quý tánh là sắc tánh năm trần, thanh, hương, vị, xúc là tướng của cõi này, nên Nhiếp Luận dạy: Ánh sáng của bảy báu vây quanh Phật. Trong kinh Hoa Nghiêm dạy: Ở tướng cảnh giới của chư Phật trang nghiêm các thứ báu xen lẫn nhau, nên trong luận Tịnh-độ dạy: Tánh của các báu đầy đủ sự trang nghiêm vi diệu. Lại trong kinh



Tạp Phiên Đại Bồ-tát Tạng dạy: Giả sử như cảnh giới ở trên cho đến đồng lửa lớn mà Như Lai ở trong đó kinh hành, đứng ngồi nằm ở đó thì tự nhiên xuất hiện nước tám công đức. Bốn là cõi Hóa tịnh, tức là chỗ Đức Phật biến hóa, bảy báu năm trần làm thể của cõi hóa độ. Kinh Niết Bàn dạy: Nhờ thần lực của Phật nên mặt đất mềm mại không có đồi gò, ngói đá cát sạn cho đến như thế giới Cực lạc của Đức Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây. Lại nữa, luận Đại Trang Nghiêm dạy: Do trí tuệ tư tại, tùy chỗ mong muốn của Ngài mà hiện ra nước trong suốt như lưu ly ở thế giới Thanh tịnh. Lại trong kinh Duy Ma dạy: Đức Phật ấn ngón chân xuống đất hiện ra những việc thanh tịnh. Lại trong kinh Mười Địa dạy: Tùy theo tâm của chúng sanh nhân được an vui thì Ngài vì họ thị hiện. Trong các kinh luận trên đã trình bày rõ, đều do biến hóa mà thành cõi tịnh, nhờ thần lực của Phật hiện ra mà có. Tóm lại, chỉ không nên gọi là Hóa độ.

Cho là: Tuy trên đây nói cõi Tịnh có bốn loại nhưng cốt yếu chỉ có hai: Một là cõi Báo. Hai là cõi Hóa. Hai cõi này tóm thâu hai cõi lý và sự. Trước tiên nói về cõi Báo, tức là lúc Đức Phật Như Lai thị hiện, các thể tánh đều thiện vô lậu, chẳng bị thâu nhiếp trong ba cõi. Trong luận Tịnh Độ dạy: Quán xét tướng của thế giới kia thù thắng vượt hẳn ba cõi. Lại trong luận Trí Độ dạy: Có cõi tịnh độ vi diệu vượt ra ba cõi, nhưng chỗ Đức Phật luôn an trú khắp mọi nơi, từ quá khứ đến hiện tại trong mười phương thế giới, hoặc Ngài nương theo Pháp thân mà an trú cõi Tịnh. Trong luận dạy: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng có thế giới thanh tịnh như cõi nước của Đức Phật A Di Đà. Đức Phật A Di Đà cũng có thế giới trang nghiêm thanh tịnh và không trang nghiêm thanh tịnh giống Đức Phật Thích Ca. Lại trong kinh Niết Bàn dạy: Thật ra Ta không thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề. Lại trong kinh Pháp Hoa nói kệ:

*Thường ở núi Linh-thứ  
Và trú các nơi khác  
Chúng sanh thấy kiếp tận  
Khi lửa lớn thiêu đốt.  
Ta an ổn cõi ấy  
Trời người thường đầy đủ  
Vườn rừng, các cung điện  
Trang hoàng đủ loại báu.*

Lại trong kinh Hoa Nghiêm dạy: Cõi Tịnh của Như Lai hoặc ở tại mao báu của Ngài, hay tầm đeo tai hay ở nơi áo, hay nơi lỗ chân lông. Mỗi lỗ chân lông như vậy dung chứa cả thế giới. Vậy trong kinh Thập-

trụ dạy: Đức Phật chỉ nhắc một bước chân thì đã vượt qua ba ngàn đại thiên, hằng hà sa thế giới, việc đó là như vậy. Cõi hóa độ nơi an trú chỉ là biến hóa, không phân biệt nơi nào, chỉ do cõi y báo mà phát khởi tướng thô, hoặc thông suốt khắp mười phương, hay trong thế giới hiện tại dẫn dắt ba thừa trời, người và các loài như đức Thế tôn Di Đà dù dắt chúng sanh nhỏ dại ở cõi nhĩn mà xây dựng cõi Tịnh, những nơi ô uế thành chốn sạch sẽ, như mảnh đất hóa thành thanh tịnh, ví như cung điện Đồng-thiên, điều này cũng thế. Hoặc chúng sanh ở khí thế giới cùng một tướng, do chủng tử chiêu cảm mà ở nơi đó hiển hiện cảnh giới trong sạch hoặc ô nhiễm. Tùy theo sáu đường chúng sanh mà sự thấy khác nhau đều do cảnh bên ngoài, gọi là nhân huân tập. Thức chủng thành tựu nên chiêu cảm được tướng ảnh tượng của khí thế gian. Các ảnh tượng này vốn là do tướng phần của thức, vì cùng tướng chủng tử và tướng ảnh tượng. Do nhân duyên tướng thức hiện ra kia, tức là cùng tướng này, do duyên lực quả báo tăng thượng bên trong nên chiêu cảm khổ vui không giống nhau.

Lại trong kinh Hoa Nghiêm dạy: Khi ấy, Đại Bồ tát Tâm Vương bảo các Bồ tát: Thưa quý vị! Thế giới Ta-bà này là một kiếp của cõi Phật Thích Ca Mâu Ni, đối với thế giới An lạc của Đức Phật Di Đà là một ngày một đêm. Một kiếp của thế giới An lạc so với thế giới Thánh-phục-tràng của cõi Phật Kim Cang là một ngày một đêm. Một kiếp của thế giới Thánh phục tràng đối với thế giới Bất thối chuyển âm thanh lô của cõi Phật Thiện Lạc Quang Minh Thanh Tịnh Khai Phu là một ngày một đêm. Một kiếp của thế giới Bất thối chuyển âm thanh luân đối với thế giới Ly-cấu của cõi Phật Pháp Tràng là một ngày một đêm. Một kiếp của thế giới Ly cấu đối với thế giới Thiên đặng của cõi Phật Sư Tử là một ngày một đêm. Một kiếp của thế giới Thiện đặng đối với thế giới Thiện quang minh của cõi Phật Lô-xá-na-tạng là một ngày một đêm. Một kiếp của thế giới Thiện quang minh đối với thế giới Siêu xuất của cõi Phật Phát Quang Minh Thanh Tịnh Khai Phu Liên Hoa là một ngày một đêm. Một kiếp của thế giới Siêu xuất đối với thế giới Trang nghiêm tuệ của cõi Phật Nhất Thiết Quang Minh là một ngày một đêm. Một kiếp của thế giới Trang nghiêm tuệ đối với thế giới Cảnh quang minh của cõi Phật Giác Nguyệt là một ngày một đêm.

Thưa quý vị! Cứ lần lượt như thế, cho đến trăm vạn A-tăng-kỳ thế giới. Một kiếp của thế giới sau cùng đối với thế giới Thắng liên hoa của cõi Phật Hiền Thủ là một ngày một đêm. Bồ tát Phổ-hiền và chư vị đại Bồ tát đều đầy đủ trong đó. Lại nữa, Luận Ưu Bà Đề Xá nói kệ:

*Quán tướng thế giới kia  
Vượt ra khỏi ba cõi  
Rốt ráo như hư không  
Rộng lớn chẳng giới hạn.  
Chánh đạo đại từ bi  
Sanh thiện căn xuất thế  
Đủ ánh sáng thanh tịnh  
Như mặt trời, trăng soi.*

Cho là: Người phàm phu ở Nhị thừa trong cõi uế trước mà thấy được cõi Phật A Di Đà. Các Bồ tát trú trong cõi tịnh cũng thấy được Đức Phật A Di Đà. Căn cứ vào hai điều này mà nói cõi Báo hoàn toàn thanh tịnh. Cõi Ứng thì có cả ô nhiễm và thanh tịnh, nên luận Tịnh độ dạy: Độ có năm loại: Một là thuần tịnh độ chỉ ở quả vị cõi Phật. Hai là cõi Tịnh uế độ tức là trong sạch nhiều, ô uế ít là địa thứ tám trở lên. Ba là tịnh uế bình đẳng độ tức là địa thứ nhất cho đến địa thứ bảy. Bốn là cõi Uế tịnh độ tức là uế nhiều tịnh ít tức là trước địa Tánh địa. Năm là cõi Tạp uế độ tức là chưa vào Tánh địa. Người ở cõi thứ năm thì chỉ thấy sau một cõi mà không biết bốn cõi trước. Người ở cõi thứ tư thì chỉ biết hai cõi sau mà không thấy ba cõi trước. Người ở cõi thứ ba thì biết ba cõi sau mà không biết hai cõi trước. Người ở cõi thứ hai thì biết bốn cõi sau mà không biết một cõi trước. Đức Phật tối thượng đều biết tất cả năm cõi.

Lại trong kinh A Di Đà Cổ Âm Thanh Vương Đà-la-ni dạy: Lúc ấy, đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo: Ở thế giới phương Tây hiện tại có Đức Phật A Di Đà. Nếu có bốn chúng nào thọ trì danh hiệu Phật ấy một cách chân chánh thì nhờ công đức này, lúc lâm chung sẽ được Đức Phật A Di Đà và Đại chúng đến chỗ người này, khiến cho người ấy thấy được sanh lòng vui mừng nên công đức tăng lên gấp bội. Do nhân duyên này, nên sanh về cõi ấy, hoàn toàn xa lìa hình hài trong thai dơ uế, an trú trong hoa sen báu tinh khiết, tuyệt đẹp, tự nhiên hóa sanh, đủ sáu thần thông, phát ra ánh sáng màu đỏ. Đức Phật A Di Đà và chúng Thanh-văn. Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri an trú trong nước gọi là Thanh-thái-vương. Cung thành của nước đó có chu vi là mười ngàn do tuần toàn là đồng họ Sát-đế-lợi, thân phụ của Đức Phật A Di Đà là Nguyệt Thượng Chuyển luân Thánh vương. Thân mẫu là Thù Thắng Diệu Nhang, con là Nguyệt Minh, đệ tử kế thừa là vị Vô lượng Cấu Xưng, đệ tử trí tuệ là vị Hiền Quang, đệ tử thần túc chuyên cần là vị Đại Hóa. Ma vương lúc ấy là Vô Thắng. Đề Bà Đạt Đa là Tịch tịnh.

Kinh Vô Lượng Thọ dạy: Đức Phật bảo ngài Di Lạc, giả sử ở trong

kiếp Mãnh hỏa (lửa lớn) ba ngàn đại thiên thế giới, nhờ niệm danh hiệu Phật A Di Đà nên đang ở trong đó đều vượt khỏi nguy hiểm.

Lại trong kinh A Di Đà Phật, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng: Thái tử của vua A Xà Thế và năm trăm người con của trưởng giả vô số kiếp đời sau đều sẽ thành Phật như Đức Phật A Di Đà. Lại dạy: Thái tử của vua A Xà Thế và năm trăm người con của trưởng giả đều an trú trong đạo Bồ tát. Trước đây vô số kiếp tất cả đều cúng dường bốn trăm ức Đức Phật, hôm nay lại đến dâng cúng Ta. Thái tử của vua A Xà Thế và năm trăm người con của trưởng giả, lúc Đức Phật Ca Diếp hiện đời là đệ tử của Ta, hôm nay đều gặp nhau trong chúng hội này.

#### ***Thứ 5: Nhớ nghĩ duyên của Phật Di Lặc***

Kinh Di Lặc Bồ- tát sơ vấn bốn nguyện dạy: A Nan bạch Phật: Bạch đức Thế tôn, Bồ tát Di Lặc bao lâu nữa mới chứng được pháp Nhẫn? Vì sao lại lâu đạt được đạo Vô thượng Chánh chơn, thành tựu Tối Chánh giác?

Đức Phật bảo A Nan: Do bốn điều mà không thủ chứng Chánh giác. Những gì là bốn? Một là làm tịnh cõi nước. Hai là hộ trì cõi nước. Ba làm sạch tất cả. Bốn là hộ trì tất cả. Bồ tát Di Lặc xưa kia mong cầu thành Phật nhưng do bốn điều này mà không chứng được quả vị Phật. Đức Phật bảo A Nan, xưa kia lúc Ta cầu quả vị Phật cũng có bốn điều này nhưng Bồ tát Di Lặc phát tâm trước Ta, ba mươi hai kiếp sau đó Ta mới phát tâm đạo. Ở trong Hiền kiếp nhờ tinh tấn nên trải qua chín kiếp đã đắc đạo Chánh chơn Vô thượng, đạt đến Tối Chánh giác. Đức Phật bảo A Nan: Ta do mười việc mà đạt đến Tối Chánh giác. Những gì là mười? Một là có tất cả mà không lẫn tiếc. Hai là có thể thiếp. Ba là có con cái. Bốn là có đầu mắt. Năm là có tay chân. Sáu là có đất nước. Bảy là có tài vật quý báu, tám là có tủy não. Chín là có máu huyết. Mười là không tiếc thân mạng. Ta nhờ mười điều này mà chóng thành Phật đạo.

Hỏi: Đạo của người phạm phu, thân ở cõi dục, làm việc thiện gì để được phước báo sanh lên cõi trời Đâu suất?

Trong kinh Vị Tăng Hữu dạy: Nếu Thập thiện ở phẩm hạ là trong một niệm thì Thập thiện phẩm trung trong bữa ăn còn Thập thiện phẩm thượng là từ sáng đến trưa. Trong khoảng thời gian đó, tâm luôn nhớ nghĩ mười điều thiện, dứt trừ mười điều ác thì được vãng sanh, như con chồn luôn nhớ nghĩ đến điều thiện suốt bảy ngày không ăn thì được sanh lên cõi trời Đâu suất.

Trong kinh Thượng Sanh dạy: Sau khi Ta diệt độ, bốn chúng tám bộ muốn sanh lên cõi trời thứ tư thì ở trong ngày thứ nhất cho đến ngày thứ bảy luôn nghĩ cõi trời ấy, giữ gìn giới cấm Phật, suy nghĩ và thực hành mười điều thiện, nguyện đem công đức này, hồi hướng cầu sanh trước Bồ tát Di Lặc thì được tùy nguyện mà vãng sanh. Kinh lại dạy: Nếu có ai lễ kính Di Lặc thì diệt trừ được tội lỗi trong trăm ức kiếp cho đến đời sau, dưới cội cây Long hoa cũng được diện kiến Phật.

Đức Phật lại dạy: Sau khi Ta diệt độ, bốn chúng tám bộ nghe danh hiệu lễ bái thì lúc mạng chung vãng sanh đến cõi trời Đâu suất. Nếu có nam nữ nào phạm giới cấm, gây tạo nghiệp ác khi nghe danh hiệu Bồ tát Đại bi này, năm vóc sát đất thành tâm sám hối, tất cả nghiệp ác đều diệt sạch. Nếu có quy y Bồ tát Di Lặc thì biết người ấy sẽ chứng bậc Bất thối chuyển. Bồ tát Di Lặc thành Phật, nếu ai thấy được ánh sáng của Ngài thì được thọ ký. Lại trong kinh Thượng sanh dạy: Sau khi Phật diệt độ, nếu người nào siêng năng tu tập các công đức oai nghi đầy đủ, quét dọn chùa tháp dâng hoa hương cúng dường, tu tập thiền định, đọc tụng kinh điển, thì những người đó tuy không đoạn hết các kiết sử phiền não như người đạt được sáu thông, cần phải hộ niệm, nhớ nghĩ hình tượng Phật, xưng danh hiệu Di Lặc, hoặc trong khoảnh một niệm mà thọ trì giới Bát quan trai, tu tập các việc thiện thì khi mạng chung sẽ được vãng sanh về cõi trời Đâu suất, ở trong đài hoa sen. Lúc ấy, thấy được tướng hào quang của lông trắng Đức Phật, thoát khỏi tội sanh tử trong chín mươi ức kiếp, tùy theo duyên đời trước mà thuyết pháp vi diệu cho họ khiến họ đắc quả vị Bất thối. Trong kinh Tăng Nhất dạy: Chúng sanh gây tạo ba nghiệp xấu ác, nếu lúc lâm chung nhớ nghĩ công đức của Như Lai thì chắc chắn xa lìa đường ác, được sanh lên cõi trời, dù cho người nào thật ác nhưng do niệm Phật nên cũng được sanh về cõi trời. Lại trong kinh Đại tập dạy: Nếu ai tu tập tâm từ, khi sắp bỏ thân mạng thì được chư Phật mười phương dùng tay xoa đầu, nhờ được xoa đầu nên tâm an lạc, tức được vãng sanh về cõi Phật thanh tịnh. Trong kinh Phổ Hiền Quán dạy: Nếu có người nào đêm ngày sáu thời lễ bái chư Phật mười phương, tụng kinh Đại thừa, suy nghĩ nghĩa lý pháp Không sâu xa đệ nhất, chỉ ở trong một sát na mà diệt trừ tội của sanh tử trong trăm vạn ức na do tha hằng hà sa kiếp. Người thực hành pháp này mới thật là Phật tử, từ chư Phật sanh, được chư Phật mười phương và chư Bồ tát làm Hòa thượng cho họ. Đó gọi là giới Bồ tát cụ túc, không cần Yết ma tự nhiên thành tựu, xứng đáng thọ nhận tất cả sự cúng dường của trời người. Lại trong kinh Pháp Hoa dạy: Nếu có người thọ trì đọc tụng,

nhớ nghĩ hiểu rõ nghĩa lý chơn chánh, người này lúc mạng chung được ngàn chư Phật dẫn dắt khiến không còn sợ hãi, không rơi vào đường ác, được sanh lên cõi trời Đâu suất của Bồ tát Di Lạc, có ba mươi hai tướng tốt, có Đại chúng Bồ tát vây quanh, có trăm ngàn vạn ức thiên nữ sanh sống trong đó. Có những công đức lợi ích như vậy, nên bậc trí cần phải nhất tâm tụng biên chép, hay dạy bảo người biên chép, thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ chơn chánh như pháp mà tu hành. Luận Trí-độ dạy: Nếu thiện nam nào thực hành sâu xa Bát-nhã-ba-la-mật thì nên biết người đó đến từ nhân đạo, hoặc đến từ cõi trời Đâu suất. Vì sao? Vì tội khổ trong ba đường ác rất nhiều, nên không thể thực hành được trí tuệ sâu xa. Chư thiên ở cõi Dục ưa thích năm dục tuyệt đẹp, tâm ý say mê nên không thể thực hành. Chư thiên ở cõi Sắc lại say đắm vị của thiền định nên cũng chẳng thực hành. Chư thiên ở cõi trời Vô sắc không có hình tướng nên cũng không thực hành được. Vì trên cõi trời thường có Bồ tát Nhất Sanh Bồ Xứ, chư thiên ở đó thường được nghe giảng thuyết Bát-nhã, tuy năm dục còn nhiều, nhưng năng lực pháp hơn hẳn, nên nói ở hai cõi này là hơn hết. Nếu từ cõi Phật khác đến sanh vào trong đó, thì những vị ấy tối thắng hơn cả. Trong kinh Xứ Thai Đức Phật dùng kệ dạy:

*Ba chúng hội của ông  
Là do Ta biến hóa  
Chín mươi sáu ức người  
Thọ năm giới của Ta.  
Số người thọ Tam quy  
Chín mươi hai ức vị  
Chỉ niệm Nam mô Phật  
Đều được thành Phật đạo.*

Trong kinh Xứ Xứ dạy: Đức Phật nói Bồ tát Di Lạc chưa thị hiện là vì bốn lý do: Một là trong thời đại thế gian có phước mới thị hiện. Hai là người thế gian thô xấu không thể thọ trì kinh. Ba là công đức chưa viên mãn. Bốn là thế gian có người thuyết pháp nên Bồ tát không hạ sanh. Nếu tương lai thị hiện trong năm mươi ức bảy ngàn sáu mươi vạn năm. Chúng sanh ở thời kỳ Ngài Di Lạc mắt đều trông thấy đến bốn ngàn dặm, do mười lý do; Một là không ngăn ánh sáng mắt người. Hai là không làm hư mắt người. Ba là không che mắt người. Bốn là không dấu việc thiện của người. Năm là không thấy giết hại. Sáu là không thấy trộm cắp. Bảy là không thấy dâm dục. Tám là không thấy sự đen tối, sở đoạn của người. Chín là không thấy các việc ác. Mười là đèn sáng mãi trong chùa.

Lại trong kinh Phật Thuyết Di Lạc Lai Thời, Đức Phật dạy: Khi Đức Phật Di Lạc chưa ra đời, cỏ cây, núi rừng trong cõi Diêm-phù-lợi đều cháy rụi nay, ở cõi Diêm-phù-lợi chu vi sáu mươi vạn dặm. Khi Bồ tát Di Lạc ra đời, cõi Diêm-phù-lợi Đông tây dài bốn mươi vạn dặm Nam bắc dài ba mươi hai vạn dặm. Đất sanh năm loại quả, trong bốn biển không có núi non, khe suối, hang lạch. Đất bằng phẳng như đá mài, cây cối cao to, người ít ba độ, nhân dân có nhiều thành ấp. Thành gọi là Phiếm-la-na-di, có một Bà-la-môn tên là Tu Phàm, làm cha mẹ của Bồ tát Di Lạc, gọi là Ma Ha Việt Đề, Ngài Di Lạc sẽ là con đầy đủ tướng tốt đẹp, thân cao sáu mươi hai trượng, sanh vào trong thành, mắt sáng nhìn xa vạn dặm. Ở đỉnh đầu ánh sáng như mặt trời chiếu xa bốn ngàn dặm. Khi Bồ tát Di Lạc hành đạo, chứng quả vị Phật, an tọa dưới cây Long hoa cao ba mươi dặm, to bốn mươi dặm. Khi sao mai xuất hiện vào ngày mồng tám tháng tư thì Ngài thành đạo. Đức Phật Di Lạc thành đạo hơn sáu mươi ức năm, sau đó sáu mươi vạn năm mới hạ sanh.

Theo truyện Vương huyền sách Tây quốc hành kể: Năm thứ hai đời Đường, vua ban lệnh cho Huyền-sách đến Ấn-độ thỉnh tượng Phật và y áo. Khi đến Phả-la-độ phía Tây của nước Nê-bà-la, xuống vùng phía Đông của thôn có một hồ nước lửa, nếu mong cầu lửa chiếu sáng trong nhà, thì nước trên hồ đó có ánh sáng chiếu từ trong nước phát ra, khi muốn dập tắt lửa thì tưới nước vào, ngọn lửa cháy mãi, sứ giả nước Hán từng ở trong đó làm cái giá móc nồi để nấu cơm, Sứ giả hỏi vua nước ấy như vậy. Nhà vua trả lời: Đã từng dùng gậy đánh chết bỏ vào quan tài bằng vàng, lại bảo người kéo ra, nhưng cứ một lần kéo ra thì lại lún sâu. Tương truyền rằng: Đây là Phật Di Lạc tương lai thành đạo ở Thiên-quang-kim, được rồng lửa hộ vệ. Hồ lửa này chính là rồng lửa.

Trong luận Trí-độ dạy: Bồ tát Di Lạc khi còn cư sĩ, có vị thầy tên Bà Bạc Lê có ba tướng: Một là tướng lông trắng giữa chận mày. Hai là tướng lưỡi che phủ mặt. Ba là tướng âm tàng. Khi chưa phải Bồ tát như vậy, cũng đều có tướng này. Lại luận Tân Bà-sa dạy: Đã từng nghe tôn giả Ca Diếp Ba vào thành Vương-xá, sau khi khát thực thọ trai xong, chẳng bao lâu lên núi Kê-túc. Núi có ba đỉnh như tựa vào nhau. Tôn giả vào trong núi ngồi kiết già, liền phát nguyện: Thân con đây mặc y, mang bát, trì tích tượng an trú lâu mà không hư hoại, cho đến trải qua năm mươi bảy Câu-chi sáu mươi trăm ngàn năm khi Đức Phật Từ-thị Ứng Chánh đẳng giác thị hiện, làm việc Phật sự. Phát nguyện rồi liền vào Niết bàn, thì ba đỉnh núi ấy hợp thành một, trang nghiêm che phủ tôn giả đang an trú. Đến khi Đức Phật Di Lạc ra đời, sẽ có vô lượng trời

người đến nơi này. Đức Phật Di Lặc bảo Đại chúng: Các vị thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có đại đệ tử Ca Diếp Ba được nhiều công đức nhất trong chúng chăng? Đại chúng thưa: Chúng con muốn thấy vị ấy. Đức Phật Di Lặc liền đưa tay phải vỗ vào đỉnh núi Kê-túc, lập tức núi chia thành ba phần như củ. Lúc đó, tôn giả Ca Diếp Ba mang y bát và tích tượng trong núi ra, rồi bay lên hư không. Vô lượng trời người thấy thần biến này đều khen ngợi, vui mừng điều chưa từng có. Đức Phật Từ Thị nhân đó mà thuyết pháp, tất cả đều đắc quả Tu-đà-hoàn. Nếu Ngài không ở lại giáo hóa thì làm sao có được những việc này, có thuyết pháp có lưu lại giáo hóa?

Hỏi: Vì sao Thế tôn không lưu lại hóa thân mà vào Niết bàn, sau đó mới duy trì việc thuyết pháp?

Đáp: Những điều cần làm đã làm xong, nghĩa là người cần độ đều đã độ xong nhưng lại cho: Không duy trì việc giáo hóa.

Hỏi: Những việc của Ngài Ca Diếp Ba làm sao có được?

Đáp: Được Thiên thần tin kính ủng hộ.

Lại cho: Lúc Ca Diếp Ba chưa vào Niết bàn thì Đức Phật Từ Thị mới diệt độ, điều này không hợp lý, dù có thuyết nhưng Ngài vẫn an trú lặng yên thật lâu trong hư không. Thuyết pháp như vậy là có lưu lại giáo hóa, cho nên Ngài Đại Ca Diếp Ba đã nhập Niết bàn.

Chỉ có năng lực yếu kém của phàm phu, huân tập nhiều xấu ác từ nhiều đời, do sống ở cõi Ta-bà, tâm ý yếu hèn nên lúc mới học giáo pháp thì lo sợ, thối lui, nhưng thường phát đại nguyện hộ trì, thực hành pháp cho đến khi qua đời tâm không bị tán loạn. Do gieo trồng căn lành nên hạnh nguyện cùng hàm thức tự tại vắng sanh. Trong Đại chúng của Ngài Di Lặc được đến trước Đức Phật, tùy niệm mà tu tập, chứng đắc quả vị Bất-thối-chuyển, không nguyện sanh ngoài Đại chúng, vì sợ tham đắm năm dục sẽ không được giải thoát. Trong luận Trí-độ dạy: Có người tu tập phước mỏng, nghe những nơi nào có phước nên nguyện vắng sanh, đến lúc qua đời đều sanh vào ở đó. Luận Đại Trang Nghiêm dạy: Việc lớn nhất ở cõi Phật mà chỉ một mình hành công đức thì không thể thành tựu mà cần phải có nguyện lực, nNnhư trâu tuy có sức mạnh kéo xe nhưng chỉ cần người điều khiển thì mới đến nơi cần đến. Cõi nước Đức Phật Thanh Tịnh, do phát nguyện mới chóng thành. Nhờ năng lực phát nguyện nên phước đức mới tăng trưởng, không hao tổn không hư hoại, thường thấy Phật. Trong luận Thật Trụ dạy: Nếu người phát tâm mong cầu Phật không dừng nghỉ, hoặc có người dùng ngón tay đưa thế giới Đại thiên an trú trên hư không thì cũng không gọi là khó. Nếu



có người phát nguyện con sẽ thành Phật, thì người ấy thật là hiếm có. Vì sao? Vì người ở đời tâm thường hèn yếu, ý chí không lớn mạnh. Luận phát Bồ đề tâm dạy: Có mười đại nguyện cần phải tu tập.

Một là con nguyện từ đời trước cho đến nay, thân gieo trồng căn lành, nguyện bố thí cho tất cả chúng sanh để hồi hướng Phật đạo, làm cho nguyện của con luôn lớn mạnh, đời đời sanh ở đâu cũng không quên, thường được Đà-la-ni ủng hộ.

Hai là con nguyện với căn lành này sẽ sanh nơi gặp Phật và thường được cúng dường không sanh vào nơi không có Phật.

Ba là con nguyện được thân gần chư Phật, luôn hầu cận quý Ngài như hình bóng.

Bốn là con nguyện khi được thân cận rồi, sẽ được quý Ngài thuyết pháp làm cho con thành tựu năm thông.

Năm là con nguyện thông đạt sự giả danh của thế đế khắp nơi, thấu rõ Đế nhất nghĩa đế, đắc trí tuệ Chánh pháp.

Sáu là con nguyện dùng tâm không nhằm chán mà thuyết pháp cho chúng sanh, chỉ dạy những lợi ích an vui, khiến họ thông tỏ.

Bảy là con nguyện nhờ thần lực của Phật, đến khắp thế giới mười phương cúng dường chư Phật, lãnh thọ chánh pháp, độ khắp chúng sanh.

Tám là con nguyện thuận theo bánh xe pháp thanh tịnh khiến cho tất cả chúng sanh nghe pháp, nghe danh của con liền xả bỏ hết phiền não.

Chín là con nguyện tùy thuận bảo vệ chúng sanh để đem lại an vui, quyết xả bỏ thân mạng, tài sản, đảm nhận những khó khăn của Chánh pháp, từ bỏ những điều không lợi ích.

Mười là con nguyện tuy thực hành Chánh pháp nhưng tâm không chỗ hành, cũng không phải không vì để giáo hóa chúng sanh nên không bỏ chánh nguyện.

Con phát mười đại thệ nguyện này, đến khắp thế giới chúng sanh, tóm thâu hằng sa các nguyện. Nếu cõi chúng sanh có cùng tận, nguyện của con mới tận. Nhưng cõi chúng sanh không thể cùng tận, nên nguyện lớn của con cũng không cùng tận. Rộng độ vô biên pháp giới chúng sanh không cùng tận, những căn lành con tu tập xin hồi hướng đến quả vị Vô thượng Chánh giác, được sanh trước Phật Di Lặc, nghe pháp thanh tịnh, chứng ngộ pháp Vô sanh nhẫn. Sự đi, đứng, nằm, ngồi từ đây về sau là để tu tập các căn lành, đều hồi hướng cho pháp giới chúng sanh được đến trước Phật Di Lặc, nhanh chóng thành tựu quả vị Bất thối.

Pháp sư Huyền Trang nói: Ở phương Tây đạo của người thế gian thường thực hành theo Ngài Di Lặc và cùng ở trong cõi Dục nên sự thực hành ấy dễ thành tựu. Đại thừa hay Tiểu thừa đều chấp nhận pháp này. Cõi Tịnh của Phật Di Đà sợ phạm phu ô uế, tu hành khó thành, như trong kinh Cựu dạy: Bồ tát ở trên mười địa, tùy theo chỉ thấy mà có được chỗ báo ứng cõi tịnh của Phật. Theo ý của Tân luận: Bồ tát ở địa thứ ba mới bắt đầu thấy được báo ứng cõi tịnh của Phật, đâu phải những kẻ phạm phu ở cõi Hạ phẩm mà được vãng sanh. Đây là lúc ý còn phân biệt, chưa thể gọi là định. Do đó, phương Tây chấp nhận Đại thừa mà không nhận Tiểu thừa. Cho nên, Pháp sư trọn đời hành việc Bồ tát Di Lặc, đến lúc lâm chung, phát nguyện sanh lên cõi trời gặp được Phật Di Lặc, bấy giờ Đại chúng cùng nhau nói kệ:

*Nam mô Di Lặc Như Lai  
 Ứng Chánh đẳng giác  
 Nguyện cùng chúng sanh  
 Chóng phụng hành Từ-thị.  
 Nam mô Di Lặc Như Lai  
 Được sống trong chúng  
 Nguyện bỏ thân này  
 Được sanh trong hội (Long hoa)*

#### **Thứ 6: Nhớ nghĩ duyên thiên định của Phật**

Phạm phu vọng tưởng điên đảo, chạy theo tình thức nên vọng chấp, sáu giác cấu kết tổn hại, năm cõi lưu chuyển, dây nghiệp trói buộc không đứt, quả khổ khó thoát ra. Vì vậy Đại Thánh Từ Thị thương xót tùy cơ dẫn dắt về cõi thanh tịnh của Phật Di Đà, chiêm ngưỡng tướng thù thắng của Như Lai, khiến chuyên cần không biếng nhác, cung kính vui mừng, cúi mình chiêm ngưỡng, tùy theo tâm lớn nhỏ mà khiến cho giác ngộ. Thiện ác tùy tâm hướng theo hay chống lại mà thành. Gieo trồng nhân được thấy Phật, lúc lâm chung, tùy theo sự nhớ nghĩ mà hoan hỷ thọ sanh. Nếu không tu tập phước này, vô thường bỗng nhiên đến, tỉnh ra thì lo sợ, tâm lộ hoang mang nghiệp lành đã hết, chẳng biết nương tựa vào đâu, mất mờ lòa theo nghiệp mà nhận chịu tai ương. Vì vậy gây tội tạo phước tuy cùng một chỗ, cùng một thân nhưng không như tu thiện được gặp Đức Phật, làm ác thì gặp tai ương. Nên kinh Hoa Nghiêm nói kệ:

*Thà chịu tất cả khổ  
 Để nghe âm thanh Phật*

*Không nhận mọi thứ vui  
Mà chẳng nghe tên Phật.  
Cho nên vô lượng kiếp  
Nhận lấy các khổ não  
Lưu chuyển trong sanh tử  
Không nghe danh hiệu Phật.*

Lại kinh Vô Lượng Thọ dạy: Đức Phật bảo Bồ tát Di Lặc, giả sử trong thế giới Đại thiên đầy lửa lớn mà được nghe danh hiệu A Di Đà thì chắc rằng ngay trong đó được thoát khỏi, thế vẫn chưa phải là khó.

Lại trong kinh Quán Phật Tam Muội dạy: Bảy giờ Bồ tát Di Lặc bạch Phật: Bạch đức Thế tôn! Nguyên xin Ngài dũ lòng từ bi thương yêu tất cả, trong đời vị lai có nhiều chúng sanh tạo nghiệp bất thiện, Đức Phật không còn ở đời thì nương tựa vào đâu để diệt trừ tội lỗi?

Đáp: Đức Phật bảo Bồ tát Di Lặc: Sau khi Như Lai diệt độ, có chúng sanh vì không thấy Phật nên gây nhiều nghiệp ác. Những người như vậy phải nên chiêm ngưỡng tượng Phật. Nếu người chiêm ngưỡng tượng và thấy được thân Ta thì chẳng sai khác. Khi nói lời này chư Phật trong không trung ở mười phương đều khen ngợi: Lành thay! Hôm nay đã đúng thời, cẩn thận chớ nghi ngờ. Đức Phật bảo Bồ tát Di Lặc: Hôm nay, Như Lai vì năm thứ khổ của chúng sanh, Tỳ-kheo phạm giới, người tạo tội ác bất thiện, năm tội nghịch phỉ báng, làm mười việc ác luật nghi ở đời vị lai nên Ngài giảng thuyết phương pháp để trừ diệt tội.

Lúc ấy, tôn giả A Nan bạch Phật:

- Bạch đức Thế tôn! Vì sao Như Lai giảng thuyết về phương pháp diệt trừ tội lỗi.

Đức Phật bảo tôn giả A Nan:

- Như Ta ở đời, quy y Ta gọi là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Người nào chiêm ngưỡng tượng Phật, thì trước hết phải vào tháp Phật, dùng bột hương của cõi tịnh mà lau quét sạch sẽ, tùy theo năng lực đó mà đốt hương cúng dường tượng Phật tỏ bày những tội lỗi quá khứ lễ Phật sám hối. Điều phục tâm như vậy, trải qua từ một ngày cho đến bảy ngày, lại đến trong chúng lau quét phòng nhà cho chúng Tăng, quét dọn phân dơ, hương về chúng Tăng lễ bái sám hối. Trải qua bảy ngày cúng dường như vậy tâm không mệt mỏi. Nếu người xuất gia nên trì tụng Tỳ ni thật lưu loát, hoặc người tại gia hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính Sư trưởng, rèn luyện tâm nhu hòa. Nếu tâm cứng cõi thì ra sức chiết phục khiến tâm được hòa nhã. Tự mình an trú nơi thanh vắng xông đốt hương thơm lễ bái Đức Phật Thích Ca Văn và thưa: “Nam mô Đại đức! Thế

tôn đại bi là bậc Ứng chánh Biến tri đại Hòa thượng của con, xin Ngài đem lòng từ bậc Thánh che chở cho đệ tử.” Thừa xong năm vóc sát đất rơi lệ trước hình tượng, đứng dậy sửa y phục tề chỉnh, ngồi kiết già giữ niệm một chỗ. Ở trước đại chúng đặt tâm thẳng vào mũi, chú ý vào má đặt tâm ở tay chân, mỗi mỗi đều tùy theo tâm niệm mà trói buộc như vậy, chuyên chú đặt tâm tại một chỗ chớ để rong ruổi tán loạn. Nếu tâm dao động thì đưa lưỡi lên vòm miệng, khép miệng, mở mắt, tréo tay ngồi ngay thẳng từ một ngày cho đến bảy ngày làm cho thân an ổn, sau đó tưởng niệm hình tượng.

Nếu người ưa thích quán ngược lại thì từ chân tay của hình tượng mà tuần tự ngưỡng quán, ban đầu quán chân, tay, cột tâm chuyên duyên vào năm ngón tay chân của Đức Phật trải qua một ngày cho đến bảy ngày, mở mắt thì thấy rõ ngón tay của Phật bằng vàng. Tiếp đến quán xét đến trên hai mu chân khiến cho thấy thật rõ ràng. Tiếp tục quán bắp tay, rồi đến tóc, từ tóc đến mặt, nếu không rõ thì tự mình chịu khó sách tấn sám hối. Do giới thanh tịnh nên thấy được diện của Ngài như gương vàng sáng thật rõ ràng phân minh. Quán như vậy rồi, quán tướng lông giữa chạn mày như ngọc pha lê xoay vòng bên phải. Khi thấy được tướng này thì thấy được mắt và lông mi của Phật, như thợ vẽ tranh cõi trời. Thấy như vậy rồi thì lần lượt quán hào quang trên đỉnh đầu khiến cho rõ ràng. Quán các tướng như vậy gọi là quán nghịch.

Nếu người nào ưa thích quán thuận, thì từ các búi tóc trên đỉnh đầu của Phật giống như tơ màu đen mềm mại xoáy tròn về phía phải. Tiếp nữa quán diện Ngài và quán toàn thân trên, rồi quán xuống chân, cứ như vậy đến mười bốn lần. Quán xét thật kỹ một hình tượng thật rõ ràng, quán một hình tượng thành tựu thì xả định hay nhập định đều thấy hình tượng Phật ở trước hành giả. Thấy rõ một hình tượng rồi thì quán hai, đến ba cho đến mười hình tượng khiến thấy được rõ ràng. Quán rõ mười hình tượng xong lại quán cả nhà đầy hình tượng Phật không còn chỗ trống. Khi tưởng tượng Phật đầy cả nhà rồi thì tinh tấn đốt hương tung hoa, quét dọn chùa tháp, làm vệ sinh phòng chúng Tăng, cúng dường Thầy Tổ, cha mẹ..., rồi phát đại nguyện: Hôm nay con quán Phật, nguyện đem công đức này mong cầu Bồ đề Phật đạo chứ không mong cầu làm trời, người Thanh-văn, Duyên-giác. Phát nguyện rồi đến cầu đại thừa nên thường thực hành sám hối, cung thỉnh chư Phật tùy hỷ hồi hướng, thân ngồi ngay thẳng buộc niệm trước mặt, quán cảnh giới Phật, rộng lớn dần lên. Trong Tăng phòng đầy cả tượng Phật, thân bằng vàng cao một trượng sáu, dưới chân có hoa sen, viên quang (ánh

sáng trên đỉnh đầu) dài tám thước ánh sáng thấu suốt toàn thân và Đại chúng Phật giáo hóa, cùng người hầu Phật, ánh sáng các sắc sáng rực rỡ ràng. Quán một Tầng phòng rồi quán rộng ra một khoảnh, cho đến một trăm khoảnh, rộng khắp cả trăm do tuần đều thấy rõ sáng tất cả tướng tốt của Phật tượng. Quán tượng này xong, rồi lại quán hình tượng Phật đầy cả Diêm-phù-đề và ba cõi trời bậc hạ cũng khắp đầy như vậy, nên thân tâm vui mừng càng tinh tấn gấp bội. Cung kính đánh lễ mười hai bộ kinh, năm vóc sát đất thành tâm sám hối trước bộ kinh Bát-nhã-ba-la-mật. Niệm tưởng thành tựu rồi nhắm mắt bắt tếu tay ngay thẳng ngồi thiền định. Lại quán tượng xa hơn, thấy tất cả tượng đầy khắp thế giới mười phương, thân toàn màu vàng. Khi thân cử động thì mỗi lỗ chân lông phóng ra ánh sáng, mỗi ánh sáng có trăm màu sắc tuyệt đẹp. Trong mỗi ánh sáng có vô lượng sắc khác nhau, cảnh giới vi diệu cũng từ đó phóng ra. Nhớ tưởng như vậy thành tựu gọi là quán tượng Phật đứng. Hành giả nào quán tưởng như vậy thì diệt trừ được tội sanh tử trong sáu mươi ức kiếp cũng gọi là thấy Phật. Ở trong đời vị lai sẽ gặp ngàn vị Phật trong Hiền kiếp, đã từng làm Hòa thượng, ở trong pháp Phật lần lượt xuất gia, nghe Đức Phật giảng pháp, nhớ nghĩ không quên, được ở chỗ hào quang của Phật trong kiếp Tinh tú, hiện tại được thọ ký. Tâm cứng cõi mà quán tưởng tượng Phật mà còn được vô lượng công đức như vậy, huống nữa buộc niệm để quán ánh sáng tướng lông trắng giữa chạn mày của Phật.

Bấy giờ, Thế tôn lại thuyết pháp tượng ngồi cho chúng sanh. Tưởng niệm hình tượng ngồi trên hoa sen báu. Khi quán tưởng các tượng ngồi, mặt đất tự nhiên xuất hiện ánh sáng trắng lớn, như lưu ly trong sáng dễ mến. Ở giữa các luồng ánh sáng trắng có vô lượng vị Bồ tát, trắng như núi tuyết. Quán tưởng trên mỗi lỗ chân lông xuất hiện một vị Bồ tát, trong lỗ chân lông hiện ra ánh sáng màu vàng. Ánh sáng rất mạnh chiếu khắp thế giới mười phương đều trở thành màu vàng. Nếu có chúng sanh quán tưởng ngồi này thì sẽ diệt trừ được tội của sanh tử trong năm trăm ức kiếp. Ở đời vị lai sẽ gặp được ngàn vị Phật ở Hiền kiếp, ở trong kiếp Tinh tú gặp được chư Phật, đầy khắp mười phương. Mỗi một chỗ Phật thọ trì lời Phật, thân tâm an ổn hoàn toàn không lầm lẫn. Mỗi một Thế Tôn hiện tiền thọ ký trải qua số kiếp không thể tính đếm được thành Phật.

Lúc ấy, chư Phật bảo A Nan: Nếu có chúng sanh quán hình tượng Phật ngồi, thì sẽ quán thấy hình tượng Phật đi, hành giả quán tưởng thấy khắp thế giới mười phương cả trên hư không và mặt đất đều là tượng

Phật đi. Thấy mỗi tượng từ ngôi đứng dậy. Mỗi tượng đứng dậy thì có năm trăm ức hoa báu, trong mỗi hoa báu có vô số ánh sáng, trong mỗi ánh sáng có vô số chư Phật hóa thân, tùy theo tâm nhớ nghĩ mà hiện ra. Tùy mỗi hóa thân Phật phát ra ánh màu vàng, soi chiếu hành giả. Khi thân hành giả nhập vào trong định thì tự thấy trong thân có ba mươi sáu vật bất tịnh hiện ra. Khi các vật bất tịnh hiện ra thì nhanh chóng diệt trừ. Đó là quán bất tịnh. Từ tham ái sanh hư dối không thật, dùng pháp quán này để biến những bất tịnh thành ngọc trắng. Tự thấy thân mình như ngọc trắng, trong và ngoài bình đều rỗng không. Khi quán như vậy thì giống uống thuốc tốt, chớ làm thân hư hoại. Thỉnh các tượng đi dùng tay xoa đầu, phóng ánh sáng chiếu khắp thân mình, lúc đó hành giả tự thấy thân mình như màu vàng. Phép quán tưởng này xong, ra khỏi thiền định, vui vẻ lễ lạy chư Phật, tu tập các công đức, hồi hướng đạo Bồ đề. Bấy giờ, chư Phật đồng âm, mỗi một đều vì hành giả mà thuyết pháp. Tuy chưa đắc đạo mà thấy nghe pháp Tổng trì của Phật không mất. Đây là Tam muội niệm Phật phạm phu. Chứng Tam muội này, trong một sát na được gặp chư Phật, thuyết pháp một ngày một đêm liền được thông suốt. Mỗi chư Phật đều quyết định dạy: Ông nhờ niệm Phật, nên trải qua kiếp Tinh tú được thành Phật, ánh sáng của thân với Ta không khác. Nói lời này rồi, tám mươi ức Đức Phật cùng phóng hào quang. Trong hào quang có vô lượng Phật hóa thân đều dạy bảo như vậy. Đức Phật bảo A Nan: Nếu người nào thành tựu môn Tam muội niệm Phật này thành tựu thì có năm nhân duyên: Một là giữ giới không phạm. Hai là không khởi tâm tà kiến. Ba là không sanh tâm kiêu mạn. Bốn là không sanh sân giận, ganh ghét. Năm là đồng mãn tinh tấn. Hành giả thực hành năm điều này như cứu lửa trên đầu, chánh niệm chư Phật khiến tâm bất thoái, thường cúng dường chư Phật mười phương. Thế nào là cúng dường? Là người này lúc xuất định, vào trong tháp thấy tượng Phật. Khi đọc tụng kinh hay lễ lạy một Đức Phật thì thường nghĩ như vậy: Chư Phật Chánh Biến Tri tâm thanh tịnh, trí tuệ vô ngại, nay con lạy một vị Phật, chính là lễ tất cả chư Phật. Nếu nhớ nghĩ một vị Phật tức là thấy được tất cả chư Phật. Trước mỗi Đức Phật có một hành giả cúi đầu sát đất đánh lễ, đều là thân mình. Nếu lúc dâng một bông hoa cúng dường Đức Phật nên nghĩ như vậy: Pháp thân chư Phật công đức vô lượng không trú, không hoại, tròn đầy vắng lặng thường an ổn, nay con dâng hoa cúng dường chư Phật, ngưỡng mong quý Ngài thọ nhận. Nghĩ như vậy rồi, lại khởi tưởng: Con hái hoa này dâng cúng là từ cỏ cây sanh ra, cúng dường tưởng nghĩ thì phải niệm: Tưởng về các lỗ chân

lông nơi thân, khiến mỗi lỗ hiện ra vô số mây hoa, khói hương biến khắp mười phương thế giới, để làm Phật sự rồi trở lại an trú ở đài vàng trước hành giả. Nếu người phàm phu muốn cúng dường nên chấp tay cung kính dâng hoa rồi, phải phát nguyện: Nguyện hương hoa này biến khắp mười phương, cúng dường tất cả chư Phật, hóa thân, Bồ tát và vô số chúng Thanh văn. Thọ nhận mây hoa hương này dùng làm đài ánh sáng, chiếu khắp vô số thế giới, làm vô lượng Phật sự. Mỗi lỗ chân lông hiện ra cờ phướn, vô lượng âm nhạc, gọi là y phục thượng hạng, trăm thứ thức ăn uống, mọi thứ cúng dường đều cùng pháp hiện tiền.

Đức Phật bảo A Nan: Chúng sanh ở đời vị lai, nếu có được Tam muội niệm Phật thì nên dạy cho họ bằng “Mật thân, khẩu, ý”, chớ khởi tà kiến, phát sanh kiêu mạn, tà mạn và ngã mạn. Nên biết người này là Tăng thượng mạn, phá hoại pháp Phật khiến chúng sanh phát khởi tâm ác, rối loạn hòa hiệp Tăng bày ra những điều kỳ lạ làm mê hoặc, chúng là bạn của ma ác. Người xấu ác như vậy, tuy nhớ Phật mà mất đi vị cam lồ, người này sanh vào nơi kiêu căng ngã mạn, thân thường thấp nhỏ, sanh nơi thấp hèn, bản cùng khổ, mọi thứ suy sụp, xây dựng cuộc đời bằng vô lượng nghiệp ác. Tất cả các nghiệp ác như vậy nên ngăn ngừa để không còn sanh khởi. Kệ:

*Pháp thân Không tướng  
Thuyết giảng không lời  
Tùy cơ ứng hiện  
Nương niệm truyền lưu.  
Thương người chìm đắm  
Cửa vi diệu ấy  
Khí, thức đồng cảm  
Cứu giúp người mê.  
Nước tám công đức  
Cây bằng bảy báu  
Chim đẹp trên hồ  
Tiếng trong vang khắp.  
Trống pháp tiếng chim  
Gió ngừng dẫn đường  
Cung phụng thưa nhỏ  
Mộ pháp độ màu.  
Vui thay Đâu suất  
Từ Tôn xa vời  
Ánh sáng tỏa khắp*

*Oai chúng tam thiên. Hoa tiên phát  
phối Bảo điện sấm chớp Phước đức  
hiển dưng Hợp công hồn lễ.  
Sắp xếp theo loại Mong chẳng trái  
ngang Tránh xa mộng trần Lại giúp hữu  
tình.  
Viết sách trao truyền Trời cao đất  
rộng Văn mà thiếu khuyết Tâm thế đâu  
hoại!*

CHỮ KINH TẬP YẾU (HẾT - QUYỂN

1)

